TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2022/HNGĐ-ST
Ngày 28-6-2022
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Vân.

2. Bà Phạm Tú Nhi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Anh Ly - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 66/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2022 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 65/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1986; thường trú: Thôn Đ, xã A, huyện Q, tỉnh T; tạm trú: Tổ 15B, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh B. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Trần Vũ H, sinh năm 1981; thường trú: Thôn Đ, xã A, huyện Q, tỉnh T; tạm trú: Tổ 15B, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh B. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 01 năm 2022 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị P và anh Trần Vũ H có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 01 năm thì tiến tới hôn nhân, đăng ký kết hôn năm 2005

tại UBND xã A, huyện Q, tỉnh T. Sau khi kết hôn anh chị sinh sống ở Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh một thời gian thì mua đất, xây nhà và sinh sống tại tổ 15B, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh B cho đến nay. Vợ chồng bắt đầu sống chung thì có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H thường xuyên đi làm xa, chị P nghi ngờ anh H có người phụ nữ khác. Kể từ khi chị P có thai đứa con thứ hai thì giữa chị và anh H không còn quan hệ vợ chồng. Từ năm 2017 đến năm 2020 anh H tự ly thân với chị P mà không có lý do. Khoảng tháng 7/2020, chị P đã nộp đơn đến Tòa án để yêu cầu ly hôn với anh H nhưng sau đó gia đình khuyên ngăn và Tòa án hòa giải nên chị P rút đơn để vợ chồng hàn gắn. Tuy nhiên, anh H vẫn không thay đổi mà đi làm về thường khó chịu và chửi bới chị P cùng các con vô cớ, không phụ giúp chị buôn bán và chăm sóc con cái. Vợ chồng cũng sống ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh H, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 02 người con chung tên là Trần Vũ Hải L, sinh ngày 23/10/2007 và Trần Vũ Hải L2, sinh ngày 30/10/2014. Sau khi ly hôn chị P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi cháu L 1.000.000 đồng/tháng, cháu L2 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị P hiện buôn bán tạp hóa ở chợ Đông Thành, thu nhập khoảng 12 triệu đồng/ tháng. Do anh H thường xuyên đi làm xa, không chia sẻ nên chị không rõ thu nhập của anh H.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn anh Trần Vũ H:* Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh H để cung cấp bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; tham gia phiên tòa vào ngày 09-6-2022, 28-6-2022 nhưng anh H vắng mặt không có lý do. Anh H cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị P và cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án.

- *Kết quả xác minh ngày 04-5-2022 tại Hội liên hiệp phụ nữ phường Tân Đông Hiệp thể hiện:* Hội liên hiệp phụ nữ phường không nhận được đơn đề nghị hòa giải quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh H, đồng thời Hội cũng không tiếp nhận phản ánh từ cơ sở về mâu thuẫn vợ chồng, vấn đề nuôi dạy con chung của hai anh chị. Đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết.

- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Sự chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các quy định pháp luật liên quan. Bị đơn chưa thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn anh Trần Vũ H tham gia phiên tòa vào ngày 09-6-2022 và ngày 28-6-2022 nhưng anh H vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị P có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị P và anh Trần Vũ H là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Q, tỉnh T và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 01, quyển số 02, ngày 16/02/2005 nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị P trình bày lý do xin ly hôn là do anh H không tôn trọng, có đánh chị một số lần, vợ chồng đã ly thân và không có sự chia sẻ trong quá trình chung sống. Chị P từng nộp đơn xin ly hôn năm 2020, sau đó rút đơn cho vợ chồng cơ hội đoàn tụ nhưng đến nay cuộc sống vợ chồng vẫn không có hạnh phúc. Qúa trình tố tụng, Tòa án triệu tập anh H đến Tòa án để cung cấp bản tự khai, trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tham gia phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh H vắng mặt không có lý do, không có ý kiến phản bác đối với trình bày của chị P. Chị P từ chối tham gia hòa giải vì xác định không còn tình cảm với anh H. Điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng giữa chị P và anh H đã thực sự không còn và cả hai bên đều không muốn hàn gắn tình cảm để tiếp tục cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Xét thấy, mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc; để đạt được mục đích đó vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ và tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Thực tế chị P và anh H đã ly thân, vợ chồng không có sự chia sẻ lẫn nhau, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của chị P là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị P khai vợ chồng có 02 con chung là Trần Vũ Hải L, sinh ngày 23/10/2007 và Trần Vũ Hải L2, sinh ngày 30/10/2014, hiện nay con đang do chị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Qúa trình tố tụng cháu L và cháu L2 thể hiện ý chí muốn ở với mẹ. Anh H không có ý kiến, yêu cầu gì đối với việc nuôi dưỡng con chung. Việc chị P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con là tự nguyện, phù hợp với ý chí của các con, đồng thời cũng bảo đảm các cháu có môi trường sống, học tập ổn định. Do đó giao các con chung cho chị Nguyễn Thị P tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là có căn cứ theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị P yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi cháu L 1.000.000 đồng/tháng, cháu L2 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[6] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An là phù hợp nên chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị P phải chịu án phí ly hôn, anh Trần Vũ H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và các điều 238, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị P đối với anh Trần Vũ H về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị P được ly hôn với anh Trần Vũ H (Giấy chứng nhận kết hôn số 01, quyển số 02, ngày 16/02/2005 do Ủy ban nhân dân xã A, huyện Q, tỉnh T cấp).

- Về con chung: Anh Trần Vũ H giao 02 con chung là Trần Vũ Hải L, sinh ngày 23/10/2007 và Trần Vũ Hải L2, sinh ngày 30/10/2014 cho chị Nguyễn Thị P tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Trần Vũ H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu L 1.000.000 (một triệu) đồng/tháng, cấp dưỡng nuôi cháu L2 2.000.000 (hai triệu) đồng/tháng. Việc cấp dưỡng nuôi con được thực hiện từ khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau ly hôn, chị Nguyễn Thị P và anh Trần Vũ H đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị P có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Trần Vũ H không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con thì hàng tháng anh Trần Vũ H phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị P phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị P đã

nộp theo biên lai số 0003443 ngày 20 tháng 01 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Anh Trần Vũ H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngân